**Chi tiết thủ tục hành chính**

**Mã thủ tục:** 1.003781

**Số quyết định:** 554/QĐ-BNN-TY (bãi bỏ QĐ 372/QĐ-BNN-TY ngày 19/01/2023)

**Tên thủ tục:** Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (Cấp Tỉnh)

**Cấp thực hiện:** Cấp Tỉnh

**Loại thủ tục:** TTHC được luật giao quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Thú y

**Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh gửi hồ sơ tới Chi cục Thú y.

Bước 2: Chi cục Thú y tiến hành thẩm định và thành lập Đoàn kiểm tra
- Tại thời điểm kiểm tra, thu mẫu gửi Phòng thử nghiệm được chỉ định

**Cách thức thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức nộp** | **Thời hạn giải quyết** | **Phí, lệ phí** | **Mô tả** |
| Trực tiếp | 20 Ngày làm việc | Phí : (- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016)  Phí : 300.000 Đồng (- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần) | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. |
| Dịch vụ bưu chính | 20 Ngày làm việc | Phí : 300.000 Đồng (- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần)  Phí : (- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016) | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. |

**Thành phần hồ sơ:**

**Bao gồm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên giấy tờ** | **Mẫu đơn, tờ khai** | **Số lượng** |
| - Đơn hoặc Văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND xã đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh bệnh (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT); | VIa VIb.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn Phụ lục IIa, IIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT; | PHỤ LỤC IIA IIB.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Báo cáo kết quả giám sát; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm (Kết quả thu mẫu xét nghiệm tại thời điểm kiểm tra); |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bản sao kết quả kiểm tra, phân loại cơ sở còn hiệu lực (nếu có); |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |
| - Bản sao Giấy chứng nhận VietGAHP còn hiệu lực (nếu có). |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |

**Đối tượng thực hiện:** Công dân Việt Nam

**Cơ quan thực hiện:** Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh

**Cơ quan có thẩm quyền:** Không có thông tin

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Không có thông tin

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh

**Căn cứ pháp lý:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số ký hiệu** | **Trích yếu** | **Ngày ban hành** | **Cơ quan ban hành** |
| 14/206/TT-BNNPTNT | Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật | 02-06-2016 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 283/2016/TT-BTC | QQuy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật | 14-11-2016 | Bộ Tài chính |
| 101/2020/TT-BTC | Thông tư 101/2020/TT-BTC | 23-11-2020 |  |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** Không có thông tin

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin